

Số: 321 /TB-THNVT

Ngày 30 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO CÁC KHOẢN THU NĂM HỌC 2024- 2025
(Theo công văn triển khai thực hiện số 2531/UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024
và kết quả thống nhất ý kiến phụ huynh học sinh)

STT	Nội dung thu	Mức thu	Mức thu năm học 2023-2024	Nghị quyết 13/2024-NQ-HĐND	Mức thu năm học 2024-2025	So sánh	Ghi chú
A	THU HỌC PHÍ						
			Không thu		Không thu		
B	TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC						
I	Nội dung thu tổ chức hoạt động dịch vụ, phục vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị quyết số 13/2024/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố						
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú						
1.1	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý bán trú	đồng/học sinh/tháng	80.000	92.000đ/hs/ tháng	92.000đ/ hs/ tháng	15%	Học sinh học bán trú
1.2	Tiền vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	20.000	20.000đ/hs/ tháng	20.000đ/ hs/ tháng	0%	Học sinh học bán trú
2	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)	đồng/học sinh/tháng	1.000đ/ngày thực học	35.000đ/hs/ tháng	10.000đ/tháng		Học sinh học bán trú
			25.000đ/tháng		25.000đ/tháng		



STT	Nội dung thu	Mức thu	Đơn vị tính	Mức thu năm học 2023-2024	Nghị quyết 13/2024-NQ-HĐND	Mức thu năm học 2024-2025	So sánh	Ghi chú
3	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	10.000đ/ tháng	100.000đ/ hs/ tháng	31.000đ/ hs/ tháng			
3.1	Phần mềm Quản trị trường học	đồng/học sinh/tháng	10.000		11.000	10%		
3.2	Phần mềm LMS360 E-learning	đồng/học sinh/tháng	Không thu		20.000	0%		

II Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục khác								
1	Tiền tổ chức dạy tăng cường môn ngoại ngữ (Khối 1, khối 2)	đồng/học sinh/tháng	66.000		75.000đ/ hs/ tháng	13,64%		
2	Tiền tổ chức dạy Kỹ năng sống	đồng/học sinh/tháng	69.000		75.000đ/ hs/ tháng	8,70%	1 tiết/ tuần	
3	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	đồng/học sinh/tháng	90.000		90.000đ/ hs/ tháng	0%	1 tiết/ tuần	
4	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	240.000		240.000đ/ hs/ tháng	0%	2 tiết/ tuần x 22 lớp (Toàn trường trừ Lớp 1.1, 1.2, 2.1, 2.2, 5.1, 5.2)	
5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ và với người nước ngoài	đồng/học sinh/tháng	350.000đ/ hs/ tháng		350.000đ/ hs/ tháng		2 tiết/ tuần x 6 lớp (Lớp 1.1, 1.2, 2.1, 2.2, 5.1, 5.2)	
	- Sử dụng phần mềm hỗ trợ	đồng/học sinh/tháng	110.000		110.000đ/ hs/ tháng	0%		
	- Với người nước ngoài		240.000		240.000đ/ hs/ tháng	0%		
6	Tiền tổ chức các hoạt động giáo dục ngoại ngữ theo chuẩn đầu ra các chứng chỉ quốc tế	đồng/học sinh/tháng	Không thu		300.000đ/ hs/ tháng			Học sinh đăng ký học mới

STT	Nội dung thu	Mức thu			Nghị quyết 13/2024- NQ-HĐND	Mức thu năm học 2024-2025	So sánh	Ghi chú
		Đơn vị tính	Mức thu năm học 2023-2024					
III	Các khoản thu tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện theo các Đề án							
1	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “Nâng cao năng lực, kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh theo định hướng chuẩn quốc tế, giai đoạn 2021-2030 (khối 3, khối 4, khối 5)	đồng/học sinh/tháng	150.000			150.000đ/ hs/ tháng	0%	2 tiết/ tuần. Thu các học sinh khối 3,4,5 đăng ký học (dự tính: 550 học sinh)
IV	Các khoản thu hỗ trợ cho các nhân học sinh							
1	Tiền mua sắm, trang thiết bị vật dụng phục vụ học sinh bán trú	đồng/học sinh/năm	115.000			130.000đ/ hs/ năm học	13,04%	Học sinh học bán trú
2	Tiền học phẩm							
2.1	Tiền học phẩm (Phù hiệu+ giấy kiểm tra khối 1,2,3)	đồng/học sinh/năm	35.000			35.000đ/ hs/ năm học	0%	
2.2	Tiền học phẩm (Phù hiệu+ giấy kiểm tra khối 4,5, giấy hoàn thành chương trình bậc tiểu học)	đồng/học sinh/năm	40.000			40.000đ/ hs/ năm học	0%	
3	Tiền suất ăn trưa bán trú (Thu theo ngày thực ăn)	đồng/học sinh/ngày	32.000			28.000đ/ hs/ ngày	-12,5%	Học sinh học bán trú
4	Tiền nước uống	đồng/học sinh/tháng	10.000			10.000đ/ hs/ tháng	0%	



Người lập
 Trần Văn Nhan
 Hiệu Trưởng
 TRƯỜNG
 TIỂU HỌC
 NGUYỄN VĂN TẠO
 HUYỆN NHÀ BÈ T.P. HỒ CHÍ MINH

Người lập
 Nguyễn Thị Kim Khoa

